

TƯƠNG TRUYỀN...

Nguyễn Quảng Minh*

Theo chúng tôi biết, cuốn *Hồ Hoàn Kiếm và đền Ngọc Sơn* của nhà Hà Nội học quá cố Nguyễn Vinh Phúc (1926-2012) là sách duy nhất xuất bản gần đây và chỉ nói riêng về danh thắng trên ở Hà Nội. Sách khổ 14x20cm, do Nxb Trẻ ở TP Hồ Chí Minh in năm 2003, dày 240 trang với khá nhiều hình ảnh nhưng đó chưa phải là sách “nặng tay” của ông; những ấn phẩm gần cuối đời ông đều viết tới 3-4 trăm trang trở lên và khổ lớn.

Những ghi chép về đền Ngọc Sơn (tr. 462-467), về hồ Hoàn Kiếm và Tháp Rùa (tr. 269-272) trong cuốn *Hà Nội di tích lịch sử, văn hóa và danh thắng* (Doãn Đuan Trinh chủ biên, Trung tâm UNESCO Bảo tồn và Phát triển Văn hóa Dân tộc Việt Nam xuất bản, Hà Nội, 2000), dù xuất bản trước nhưng cũng có nhiều thông tin cụ thể bổ sung cho những chỗ mơ hồ trong cuốn sách của ông Vinh Phúc.

Đọc hai sách trên, chúng tôi thấy hai từ **tương truyền** được dùng khá nhiều, nếu lên danh sách có thể cũng được 1-2 trang giấy khổ A4.

Như vậy *tương truyền* là gì? và vì sao lại được quý vị ưa dùng đến thế?

Trong bài báo ngắn này, chúng tôi xin có vài lăm bàn thô thiển từ thực tế về tương truyền sau đó xin có vài nhận xét nhỏ về những tương truyền liên quan đến Tháp Rùa. Chúng tôi mong muốn dùng thông tin có xuất xứ rõ ràng và chắc chắn để giảm nhẹ áp lực của những hư cấu vốn có liên quan đến những tương truyền trên. Chúng tôi không có hoàn cảnh dùng tài liệu lưu trữ ở Việt Nam và Pháp liên quan nhiều với nhân vật chính trong tương truyền nhưng chắc chắn hướng này sẽ cung cấp nhiều bằng chứng hồi đó, có giá trị sự thật lịch sử và có khi còn “động trời” nữa là khác. Nguyên tắc chúng tôi mong đạt được là *nói có sách, mách có chứng và biết sao nói vậy*.

I. Lăm bàn về tương truyền

Tương truyền (hay *tục truyền*, *truyền thuyết*...) là “nói dân gian truyền nhau từ đời trước lại” (Văn Tân [chủ biên] 1967: 1092); đó là ở dạng động từ (*verb*). Nhưng nhiều khi được dùng ở dạng danh từ (*noun*), có thể định nghĩa chẳng là “một mẫu chuyện được truyền trong dân gian từ đời nọ qua đời kia”.

Về mặt **nội dung**, một tương truyền thường có liên quan đến một hay nhiều nhân vật hay sự kiện hay công trình xây dựng có thật, diễn ra vào những thời điểm lịch sử gần hay xa trước đây nhưng bao giờ cũng có một hành lang rộng cho những thông tin do dân gian thêm thắt hay cắt xén theo chiều dài lịch sử; những thông tin mới bổ sung hay bớt bỏ này phản ánh thái độ, tình cảm và cách đánh giá của người đời và thường có bóng dáng của thời đại, đồng thời phần lớn lại là hư cấu, nhiều khi còn chịu ảnh hưởng của xu hướng chính trị chính thống nhất thời.

* Neuilly-sur-Seine, Pháp.

Về **nguồn gốc**, từ thực tế ngày nay chúng tôi nghĩ có thể như sau chẳng: Các thư lại, các thư ký riêng, những người giúp việc..., tận mắt thấy tai nghe những sự việc lạ tai, lạ mắt hay ngang tai trái mắt trong thâm cung/nhà riêng hay trong chốn triều chính/văn phòng, rồi ra ngoài “nhỏ to” với đồng liêu, bạn bè, người nhà... Cũng có khi một sự kiện hy hữu xảy ra trên đường phố, các “bà Tám” thấy hay nghe được, thường không đầy đủ từ đầu đến cuối nên khi đồn thổi, rí tai phải thêm thắt cho “có đầu có đuôi”... Có vậy tính gay cấn, hấp dẫn mới tăng. Sau một thời gian, nếu mẩu chuyện đó vẫn còn được rí tai nhau và phát triển qua thử thách của thời gian thì sẽ có một thư lại hay thầy đồ nào đó hoặc một nhân viên/nhà báo nào đó ghi chép lại và truyền tiếp rộng rãi hơn trong quần chúng đời đó và đời sau.

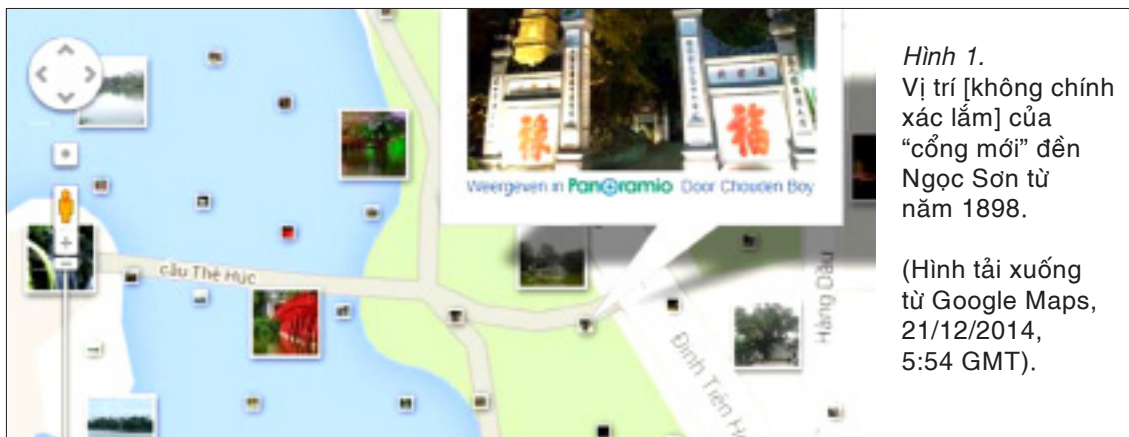
Khi chuyển tải mẩu tin *tương truyền* mới toanh đó, nội dung cũng dần dần biến dạng, được thêm thắt hay lược bỏ chút ít hư cấu tùy theo tình cảm của quần chúng đương thời. Nói cách khác, bao giờ cũng có một *hạt nhân sự thực* và một *giai đoạn truyền miệng* dài hay ngắn (giai đoạn “nhỏ to”, “rỉ tai”) để thử thách nội dung tương truyền, sau đó mới chuyển sang *truyền qua văn bản*. Việc thêm thắt hư cấu - thường do *suy diễn* của người đời - cũng có thể xảy ra ngay từ những giây phút đầu tiên hình thành tương truyền.

Đó là nguồn gốc “kinh điển”. Ngày nay có vị có học “đốt cháy giai đoạn”, *không cần có hạt nhân sự thực*, tự sáng tác tương truyền từ đầu đến cuối rồi tung lên báo chí, truyền lan rộng rãi khắp trong Nam ngoài Bắc trong nhiều thập niên, nhân dân từ già chí trẻ đều coi đó là mẩu người hùng trẻ tuổi của thời đại. Đùng một cái, người trong cuộc mới tiết lộ “bí mật”, đó là truyện bịa một trăm phần trăm nhưng không những không bị kỷ luật vì “cố ý tung tin thất thiệt” mà còn được giới truyền thông-sử học khen ngợi là trung thực, là có dũng khí dám nói lên sự thật, là...! Những *tương truyền* loại này thường không cần có tính logic lịch sử.

Xin nêu một thí dụ thuộc loại “kinh điển”: Phó bảng Nguyễn Văn Siêu sinh năm 1799 và mất năm **1872**. Đến **tháng 12 năm 1887 (16 năm sau** khi ông Siêu mất), “*cổng ngoài đền Ngọc Sơn [còn] ăn đến phố Hàng Dầu, hầu như lúc nào cũng đóng, nằm giữa một dãy nhà tranh tồi tàn...*” (Dumoutier 1887: 23). Pháp dự định mở đường vòng quanh Hồ Gươm từ năm 1887, đoạn đường Francis Garnier (Đình Tiên Hoàng ngày nay) của đường vòng đó cắt ngang phần ngoài đền Ngọc Sơn và phần giữa đền Bà Kiệu; con đường này được khánh thành ngày **14/7/1890 (19 năm sau** khi ông Siêu mất). Vì bị cắt đất, mất cổng ngoài nên phải xây “cổng mới” ở vị trí mới gần ngay Tháp Bút, đó là vào khoảng năm **1898** (Masson 1929: 159, **27 năm sau** khi ông Siêu mất). Cổng đền ngày nay ở vị trí mới này và ăn ra đường Đình Tiên Hoàng chứ không còn “nằm trên hè phố Hàng Dầu lớp cổng đầu tiên gồm có...” như Nguyễn Vinh Phúc viết năm 2003, trang 76 (xem hình 1). Trên một bưu ảnh có dấu nhật ấn ngày **8/5/1915 (44 năm sau** khi ông Siêu mất), cổng “mới” đền Ngọc Sơn vẫn chưa có hai chữ đại tự *Phúc Lộc* và sáu chữ đề tự *Ngọc ư tư - Sơn ngưỡng chí*. Thế mà **năm 2000 (103 năm sau** khi ông Siêu mất) có vị dám viết trong sách *Hà Nội di tích lịch sử, văn hóa và danh thắng* (tr. 463) “... hai chữ lớn tô son *Phúc Lộc*, *tương truyền là của Phó bảng Nguyễn Văn Siêu viết*.” Thần Siêu là *Trạng Trình thứ hai* chẳng mà viết sẵn hai đại tự *Phúc Lộc* để sau khi ông

mất đến cả vài chục năm⁽¹⁾ con cháu mới đem ra đắp trên cổng đền? Xin chú ý, không thấy ai nói thần Siêu là nhà thư pháp và không phải nhà thư pháp nào cũng viết được đại tự! Mặt khác, hai chữ lớn này viết rất chân phương và đẹp trong khi **hai** *tương truyền* khác, cổ hơn khảng định “*thần mà chữ xấu như ma*” (*tương truyền* là lời thơ của vua Tự Đức bôn thần Siêu)!

Xem thế, dưới “cái mũ” *tương truyền*, quý vị tự do thoải mái viết theo ý thích và trình độ hiểu biết của mình!



Bưu thiếp mang tên **sai** là Pagode des Supplices-Hanoi [chùa Báo Ân - Hanoi]. Dấu bưu điện-8/5/1915.

Hình chụp cuối tháng 6 năm 2008. Xin chú ý, cổng năm 2008 chỉ *đại thể* giống như cổng cũ, nhiều chi tiết đã thay đổi.

Hình 2. Cổng đền Ngọc Sơn, cách nhau gần một thế kỷ (trước ngày 8/5/1915 và cuối tháng 6/2008).

Về phương thức **chuyển tải**, *ban đầu*, *tương truyền* nào cũng được chuyển tải qua miệng thế gian. Nhưng ngày nay giai đoạn truyền miệng rất ngắn, chúng ta thường được đọc *tương truyền* trên sách báo, nhất là trên mạng. *Tương truyền* đã qua tay *người sưu tầm*, *biên soạn* và chịu sự *biên tập* của biên tập viên tòa soạn báo hay nhà xuất bản. Nói chung, *tương truyền* càng cổ thì là đã được “vo tròn bóp méo” tùy thích và qua nhiều người, nhiều thế hệ.

Những *tương truyền* thuộc loại như “*Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần trên lá cây*” nay thực tế không còn được truyền *từ miệng qua tai* nữa. Về bước ngoặt từ truyền miệng sang truyền qua văn bản ở ta, có thể hai ý kiến sau (có lẽ viết từ thế kỷ 15 nhưng) vẫn còn nguyên giá trị:

a) Ngô Sĩ Liên (sống vào thế kỷ 15, tác giả **bản gốc Đại Việt sử ký toàn thư** [không phải bản dịch tiếng Việt từ bản Chính Hòa thứ 18, 1697 mà chúng ta thường dùng!]) viết trong Phạm lệ: ‘*Sách này [Đại Việt sử ký toàn thư] làm ra, gốc từ hai bộ Đại Việt sử ký của Lê Văn Hưu và của Phan Phu Tiên, tham khảo thêm Bắc sử [sử Trung Quốc], dã sử, các bản truyện chí và những việc nghe thấy truyền lại, rồi khảo đính, biên tập mà thành.*’... [gạch dưới của NQM] (1983: 83).

b) Vũ Quỳnh (1452-1516) trong lời Tự [Tựa] sách *Lĩnh Nam chí quái liệt truyện* cũng cùng một ý: ... *Những nước Việt ta, tự cổ vốn là đất hoang, cho nên những truyện ghi chép được rất là sơ lược... Những truyện chép ở đây, là sử trong truyện chẳng, lai lịch ra sao, có từ thời nào, tên họ người hoàn thành đều không thấy ghi rõ. Viết ra đầu tiên là những bậc tài cao học rộng ở đời Lý Trần. Còn những người nhuận sắc là các bậc quân tử bác nhã hiếu cổ ngày nay.* (1966: 18).

Những việc nghe thấy truyền lại (của Ngô Sĩ Liên) thì đích thị là tương truyền.

Ta có rất nhiều *tương truyền*, cũ và mới. Dân ta cũng có thái độ khoan dung công khai với *tương truyền*: Trong cuộc họp nói rất “lãnh tụ”, ra hành lang hay ngay trong giờ nghỉ và ở ngay hội trường/phòng họp đó lại phát biểu công khai khác hẳn, chẳng hạn: Chẳng qua để vừa lòng “lãnh đạo” thì tao nói thế thôi chứ ai chẳng biết... (chẳng hạn, hẳn đã xây được nhà tầng là từ tiền tham ô...)!!! Những tục ngữ, ca dao, hò vè... mới như: *nói như lãnh tụ, ăn như nhà tu, mặc như dân tù, ở/sống như trong tù* hay *nhà văn nói láo, nhà báo nói thêm*... cũng cùng một chiều hướng với *tương truyền*.

Hồi đầu thế kỷ trước, ở Hà Nội, giữa trục đường chính chợ Đồng Xuân - Bờ Hồ [Gươm] còn có *Điểm Vè* để dán những bài vè (tức những *tương truyền* sau giai đoạn truyền miệng “nhỏ to”, *bắt đầu* bước vào dạng văn bản “thô sơ” để tiếp tục truyền miệng sâu rộng hơn dạng sau đó chuyển hẳn sang truyền qua văn bản).

Doãn Kế Thiện (1943, dẫn theo Nguyễn Vinh Phúc, 2003: 225-228) đã mô tả chi tiết *Điểm Vè* Hàng Ngang: “*Chừng sáu bảy mươi năm về trước [trước năm 1943], vào khoảng đầu Hàng Ngang rẽ ra Hàng Bạc bây giờ, có một cái điểm làm bằng tre lợp lá, người ta thường gọi là Điểm Vè. Cũng như các điểm khác, điểm ấy chỉ là nơi có dân phu túc trực, chuyên giữ việc canh phòng... Còn Điểm Vè này thì đặt ra suốt năm, vì ngoài sự phòng gian, còn để ngăn ngừa các sự dẫu ấn [?, dẫu khẩu?], lãng mạ do hai giống Hoa, Việt hàng ngày tiếp xúc nhau mà xảy ra... Vậy mà hàng ngày ở đó lại thường xảy ra một cái lệ, phiên phu không sao giữ xiết, tức là cái lệ dán vè... Có khi chính ngay những người tai mắt, quyền quý trong tỉnh, nếu trót làm sự gì mờ ám bất chính, không giữ kín, để người ngoài biết được, tức thì có người đặt ra bài vè, lên đến đây dán ở cửa điểm ấy. Chỉ một lát, miệng người truyền đi, bài vè đã lan khắp nơi dù trong bài không kể rõ họ tên, người ta cũng đoán được là ai rồi. Ngày thì một bài, ngày thì vài ba bài, mỗi khi có một bài xuất hiện, chỉ một lát là có hàng đàn hàng lũ kéo đến xem...*”

Tiếp theo cụ Doãn dẫn một thí dụ cụ thể về một *tương truyền* xảy ra khoảng năm Bính Tuất [1886 chẳng?] liên quan đến “nhà quyền quý Mỗ [= X, nào đó] ở phố Hàng Khay”... cùng bài vè kèm theo.

Ba thập kỷ sau, Nguyễn Công Hoan (1978: 115) vẫn còn nhớ: “*Tên là phố Hàng Ngang là vì hai đầu phố có cây cổng chắn ngang, đêm đóng lại, có điểm canh. Chỗ ngã tư ra Hàng Bạc, có xây cái điểm, gọi là Điểm Vè, vì ở đây người ta hay dán những bài vè, để bới móc chế riễu những chuyện xấu của những gia đình các phố quanh đây*”.

Ở làng Bưởi, ngoại ô Hà Nội nhưng thuộc Đại lý Hoàn Long [*Délégation de Hoàn Long*],⁽²⁾ Hà Đông khi Tô Hoài (1920-2014) sinh ra và lớn lên, cũng phổ biến tương truyền-vè (2010: 438): “*Ở trong làng mọi sinh hoạt thường được đặt vào trong câu vè [...], đời sau kể chuyện đời trước. Chú Tước đầu to. Ba Bò quấy nước... Chú Tước hay hát tuồng, cái đầu to. Ba Bò sớm chuyên quấy nước thuê đổ vào tàu seo giấy... giếng Yên Thái như kia. Giếng sâu chín trượng, nước thì trong xanh...*”.

Dân ta cũng cả tin, dễ tính coi tương truyền như một nguồn giải trí, thỏa mãn tính tò mò, hiếu kỳ, nhất là thói “bà Tám”, đơm chuyện...

Như vậy, tương truyền cũng như giai thoại, tiểu lâm, truyện cổ, dã sử..., đều có thể coi là những thể loại của văn học dân gian truyền từ miệng qua tai, từ thế hệ này sang thế hệ khác; nói theo dân gian, đó là bia miệng:

Trăm năm *bia đá* thì mòn,
Nghìn năm *bia miệng* hãy còn trơ trơ.

Có thể quan niệm *bia miệng* là một thể loại kênh chuyển tải thông tin mà tương truyền sử dụng. Thông điệp nhận được là, rõ ràng thông tin chuyển tải qua kênh *bia miệng* có *đời sống (tồn tại) lâu dài* hơn là qua kênh *bia đá*. Mặt khác dân gian cũng cảnh báo:

Mai mưa, trưa nắng, chiều nồm,
Trời còn luân chuyển, *huống mồm thế gian*.

Nội dung chuyển tải bị thay đổi theo “mồm thế gian”, theo dư luận, tức tính chân xác và toàn vẹn của thông tin không còn giữ được trong quá trình chuyển tải. Hình như các cụ nhà ta không quan tâm nhiều đến mặt này của vấn đề vì các cụ còn răn dạy chúng ta:

Người ta hữu tử hữu sanh,
Sống lo xứng phận, *thác dành tiếng thom*.

Cố giữ *tiếng thom* dù dư luận có “sáng nắng chiều mưa”. Trước kia dư luận thường thay đổi theo tình cảm bông bột nhất thời của nhân dân nhưng, ngày nay bộ máy tuyên truyền của một vài thể chế chính trị có thể hướng dư luận theo ý muốn; họ coi “*truyện ở lòng dân, bia ở miệng người*” nên việc gì cũng có thể làm được miễn là có “nhân dân” hậu thuẫn mà nhân dân thì “nhũn như con chi chi”, bảo sao hay vậy...

Đó là lời cảnh báo ở cấp xã hội. Ở cấp gia đình/họ hàng, chúng tôi thường được ông bà, mẹ cha nhắc nhở: “*Ăn ở sao cho hàng xóm láng giềng khỏi chê cười*”. Tuy vẫn tâm niệm *vô quý ngã tâm* (心我愧無 = không thẹn với lòng mình [lượng tâm]) nhưng vẫn nơm nớp nỗi ám ảnh “*làm sao để khỏi bị chê cười*” mà “*Ở rộng người cười, ở hẹp người chê*”.

Trong thời gian rất dài ở ta có tình trạng “*văn sử bất phân*”, sáng tác văn học cũng được coi như sử liệu, văn học bác học và dân gian đều được sử dụng

làm sử liệu để viết... chính sử và sử học bị giáng xuống thành công cụ “tô hồng” cho các ông hoàng bà chúa trong các phủ đệ cũ và mới...

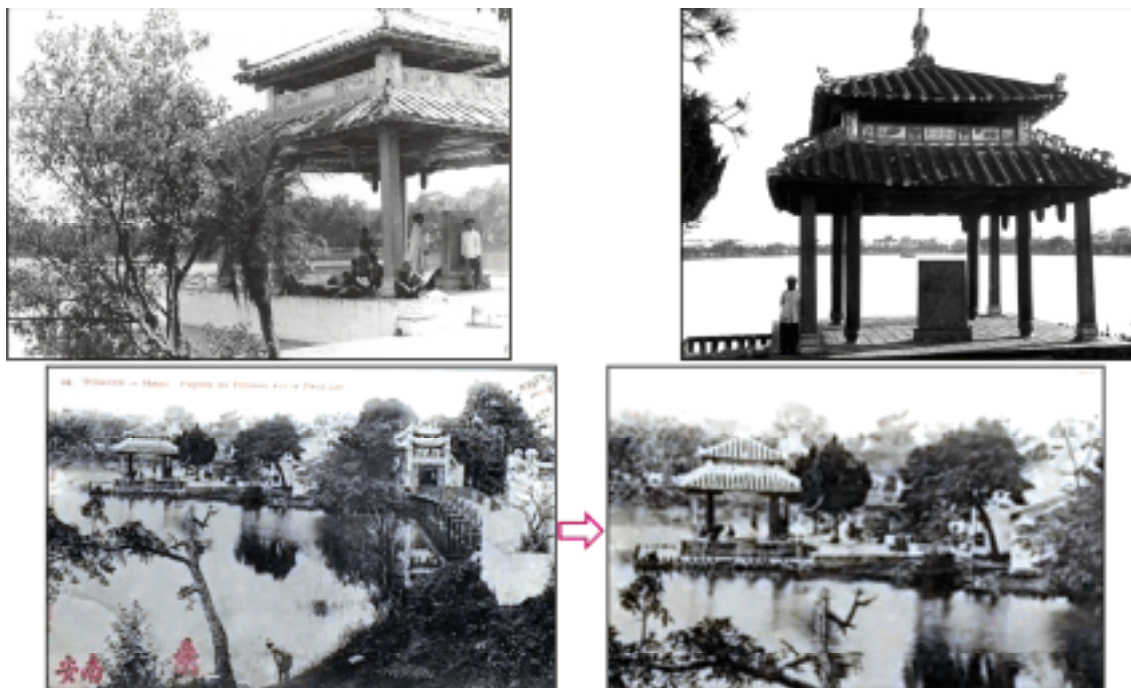
Cuối cùng, bia đá cũng không được “yên”, không chỉ vì... *nước chảy đá mòn*:

- Chữ khắc trên bia bị thời gian, các tác nhân thiên nhiên làm mờ, mòn nhiều hay ít; thí dụ, ba bia đá - dựng đầu đời Trần (thế kỷ 13) - ở đền Thái Vi, “động” Vũ Lâm, Hoa Lư đã mòn hết chữ, ngày nay không thể đoán đọc được nội dung;

- Con người trong thời gian gần đây, vô tình hay cố ý, đã phá hủy nhiều bia, khánh; thí dụ, khánh đá tạc năm Ất Tỵ, Thiệu Trị thứ 5, 1845 (cùng đợt ông Nghè Vũ Tông Phan dựng bia *Ngọc Sơn Đế quân từ ký*, 1843) mà Dumoutier còn thấy năm 1887 (tr. 20), nay hầu như không ai biết là đã có khánh đá đó;

- Bia đá *Trùng tu Văn Xương Miếu bi ký* vốn “cao tới 2m”, dựng trong lòng đình Trấn Ba, đền Ngọc Sơn đã bị chiến tranh làm vỡ năm 1947 rồi mất luôn, bản rập mà Trần Hàm Tấn nói tới năm 1948 (tr. 45) nay được bảo quản ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hà Nội nhưng cũng rất khó tìm ra;

- Bài minh khắc ở thành ngoài nghiên đá trên Đài Nghiên, đền Ngọc Sơn bị đục bỏ mất 5 chữ chỉ vì... một vị có chức có quyền nghĩ những chữ đó có ý phạm thượng...



Hình 3. Ba hình của bia đá *Trùng tu Văn Xương Miếu bi ký*, dựng trong lòng đình Trấn Ba, trên đảo Ngọc Sơn, Hà Nội.

1. Hai hình trên của Société de Géographie, Paris, Pháp. Niên đại theo hồ sơ là 1919-1926; chúng tôi đoán: *khoảng giữa 14/7/1890 và 1896* vì ở hình bên phải, xa xa là *Tháp Rùa với tượng thần Tự Do* mà tượng chỉ ở trên tháp trong khoảng thời gian trên; 2. Hình dưới bên trái là bưu ảnh, do Dieulefils phát hành ở Hà Nội, đầu thế kỷ 20; thấy rõ đình Trấn Ba với bia đá (xem hình dưới bên phải).

Ghi chú: Đình Trấn Ba được dựng khoảng năm 1865/1866, sau nhiều đợt trùng tu, bị phá hủy trong chiến tranh 1947; đình như thấy hiện nay là mới dựng lại trong những năm đầu 1950 và sau đó còn được tu bổ tùy thích nhiều lần nữa.



Hình 4. Nghiễn Đài [đài nghiễn] trên đường vào cầu Thê Húc, nhìn từ chỗ nay là Bàng hồ.

Bên trái, hình do Hocquard chụp, 1884-1885. Bên phải, hình chụp khoảng 1930.

Xin chú ý, ngày xưa (khoảng trước thế kỷ 20) đường từ cầu Thê Húc ra cổng đến đều lát gạch, hai bên xây tường cao như thấy trong ảnh của Hocquard (xin xem Dumoutier 1887: 23), sau mới chỉ lát gạch ở giữa, mở rộng khoảng cách giữa 2 tường, tường thấp xuống (như thấy ở hình phải) và đến những năm 1960 mới phá tường, xây lan can thấp.



Hình 5. Nghiễn đá trên Đài Nghiễn trong cụm thắng cảnh Ngọc Sơn, Hà Nội. Năm chữ Nho trong bài minh bị đục bỏ (khoảng những năm 1880-1890). Hình chụp năm 2005.

II. Tương truyền về Tháp Rùa

II.1. Trước hết, xin trích vài mô tả xưa nhất mà chúng tôi biết.

II.1.a. Ngược dòng thời gian thì R. Bonnal (1847- ?) là người *đương thời* đầu tiên đã tả Tháp Rùa. Bonnal vốn gắn bó nhiều năm với Bắc Kỳ, là Trú sứ Pháp đầu tiên ở Hà Nội (1881-1885), quyền Tổng trú sứ Pháp ở Bắc Kỳ (29/01-1887 - 19/4/1888 nhưng theo Wikipedia tiếng Việt từ 12/11/1886 đến tháng 01/1887 và lần thứ hai, tạm quyền 07/4/1890 - 03/02/1891). Bonnal cũng nhận được sự phục vụ “cúc cung tận tụy” của Tổng đốc Hà Ninh Nguyễn Hữu Độ (1813-1888) và Tri huyện Thọ Xương Hoàng Cao Khải (1850-1933).

et à l'obélisque, surmonté d'un pinocau situé à l'entrée du pont qui donne accès dans l'île.
Une autre petite pagode octogonale, sans style et sans intérêt, a été édiflée il y a peu d'années par un fermier de la pêche, Nguyên-huu-Kiêm, dit Ba-Hô-Kiêm, (*) sur l'emplacement d'un petit temple ancien dédié au génie du lac — elle porte le nom de Qui-Son thap (tour de l'île de la Tortue).
On rencontre plus loin un sentier limité par des haies de bambous

Hình 6. Đoạn nói về Tháp Rùa trong Bonnal, R. *Au Tonkin* 1872, 1881-1886, *Notes et Souvenirs*, 1925, tr. 43.

Bonnal ghi lại (1925: 43, tạm dịch): *Một chùa nhỏ khác hình bát giác, chẳng theo kiểu cách nào và cũng chẳng có gì đáng để chú ý, đã được xây trước đây vài năm do người lãnh trưng đánh cá [ở Hồ Gươm tên]*

Nguyễn-huu-Kiêm, tức Ba-Hô-Kiêm, ở nơi vốn có một đền nhỏ, cổ thờ thần hồ - chùa nhỏ đó tên là Qui-Son tháp (tháp [đảo] Rùa).

Bonnal chú thích luôn: *Ba-Hô là tước danh dự do triều đình Huế ban cho những người địa phương giàu có và có thế lực.* Sai lầm chính của Bonnal là đã tả Tháp Rùa hình bát giác.

II.1.b. G. E. Dumoutier (1850-1904) theo chân Tổng trú sứ Paul Bert đến Hà Nội ngày 08/4/1886, khi Bonnal đã về Pháp nhưng Dumoutier là người đầu tiên cung cấp thông tin tương đối chính xác về Tháp Rùa trong sách *Les pagodes de Hanoi*, viết xong tháng 12 năm 1887. Ba tháng sau khi đến nơi, P. Bert đã giao cho Dumoutier viết về các đền chùa vùng Hà Nội. Hai sai lầm chính của ông là “tả” Tháp Rùa *hình bát giác* và *các cửa đều theo hình cung nhọn* (kiểu gothic).

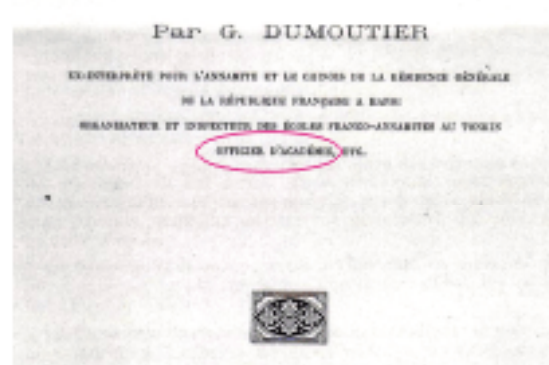
« Dang-luong-hien, mandarin de la justice à Hanoi, l'a composée, Vu-ta-tru, bachelier du village de Tu-thap, hayon de « Cho-suong, l'a gravée. »

Il existe au milieu du lac de Hoàn-khiêm une autre pagode. C'est un petit monument octogonal à étages, les ouvertures sont ogivales, cette construction est récente, elle date à peine de dix ans. Elle occupe la place d'un petit temple élevé autrefois au génie du lac.

« À l'intérieur, sur le mur, sont peints deux caractères, Vinh-« Aaa, c'est le nom du mandarin qui l'a fait construire.

Ce mandarin, nommé il y a trois ans phu de Thu'o-ng-tin, fut envoyé ensuite comme thu'o-ng-bien à Hoi-an, impliqué dans une affaire politique, il fut destitué en 1886 et même incarcéré pendant plusieurs mois à Hanoi.

Au sommet de l'édifice, d'un côté on lit : Vinh-dinh « Pavillon de la perspective » ; et de l'autre : Qui-sa's-thap « Tour, ou plus exactement schémas de la montagne de la tortue ».



Hình 7. Đoạn nói về Tháp Rùa trong Dumoutier, G. *Les pagodes de Hanoi*, 1887, tr. 23.

Đây là mô tả của Dumoutier (1887: 23, tạm dịch): *Ở giữa hồ Hoàn-khiêm còn có một ngôi chùa khác nữa.*

Đó là một kiến trúc nhỏ hình bát giác có gác, các cửa hình cung nhọn; kiến trúc này mới có gần đây, vừa được khoảng 10 năm. Ngôi chùa này xây trên chỗ trước đây có một ngôi đền nhỏ thờ thần hồ.

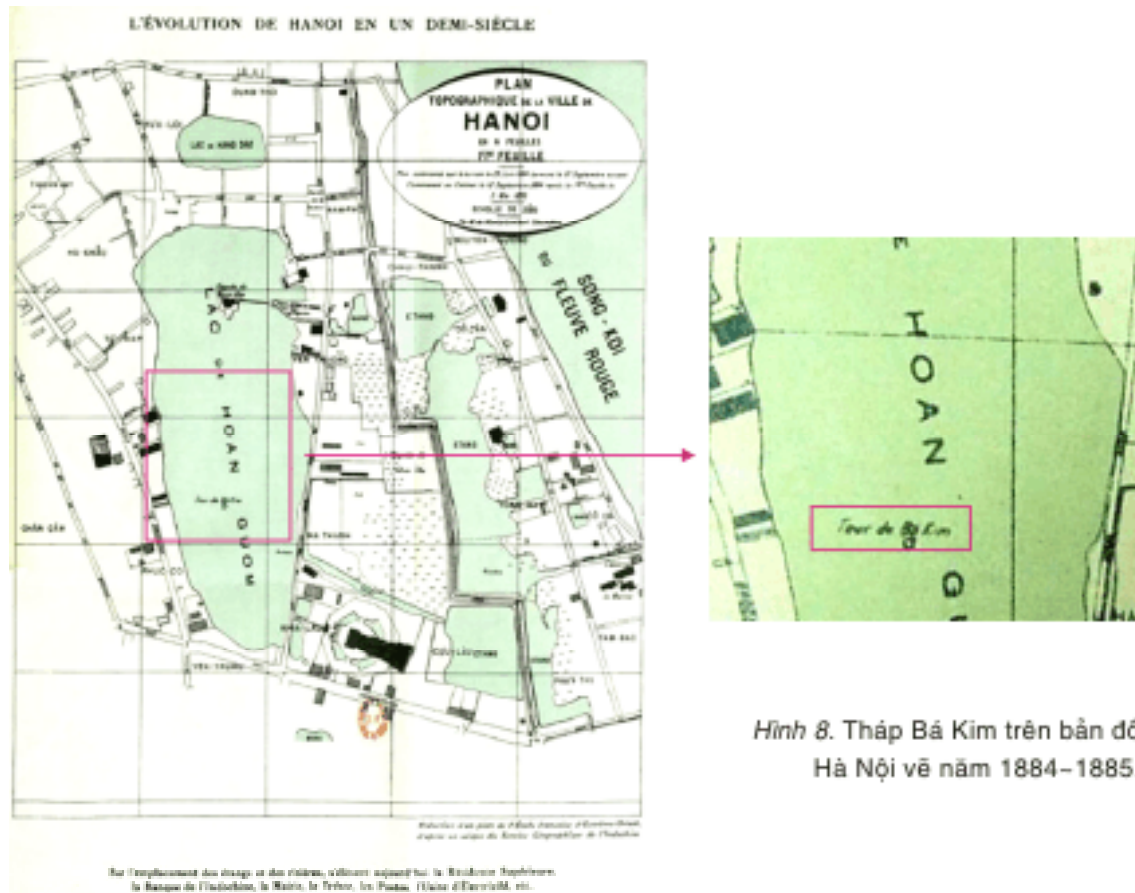
Bên trong, trên tường có sơn hai chữ Vinh-bao, đó là tên của viên quan đã sai người xây tháp.

Viên quan này ba năm trước được bổ làm [Tri] phủ Thường Tín, sau đó được chuyển làm Thương biện ở Hoài Đức, có vướng vào một “áp phe” chính trị, ông ta bị bãi chức năm 1886 và còn bị bỏ tù trong nhiều tháng ở Hà Nội.

Xin lưu ý là, để chỉ những vụ chống Pháp hồi đó của phong trào Cần Vương, người Pháp đều dùng các từ như piraterie, rébellion, banditisme,... Dumoutier dùng *affaire politique* với ý “áp phe chính trị” trong nội bộ phía Pháp chăng? Cần tìm hiểu thêm trong tài liệu lưu trữ, chớ vội nghĩ là Bá Kim đã phản phúc người Pháp (xem Nguyễn Vinh Phúc 2003: 139-140).

Tên *Tour de Ba Kim* (Tháp Bá Kim) còn thấy trên bản đồ Hà Nội vẽ năm 1884-1885; đó là Bản đồ địa hình thành phố Hà Nội, tỷ lệ xích 1/2000, do de Montalambert thực hiện (bắt đầu đi thực địa từ ngày 25/6/1884 đến ngày

12/9/1884, sau đó chỉnh lý tại văn phòng từ 12/9/1884 và ngày 05/5/1885 hoàn thành tờ đầu tiên). Trên tờ này, *Tháp Rùa được ghi là Tháp Bá Kim*.



II.1.c. Trần Hàm Tấn (1948: 45) cũng đã mô tả Tháp Rùa như ông thấy vào khoảng năm 1948: “Cái gò nhỏ ở giữa hồ cũng là một cái bãi cát gốc tích giống như bãi cát chỗ ngôi đền. Theo thuyết phong-thủy, là hình con rùa mà tương truyền nhà ông Th. K. [Thương Kim], người thành phố có để giấu hài cốt gia tiên ở đây.⁽²⁾ Vào năm 1877, người ta xây lên một tòa hình lục lăng có từng gác và cửa tò-vò trông bát-thành cái đình, bát-thành cái tam-quan, bát-thành cái tháp. Trên từng gác có ngán hai chữ ‘Vọng-Đình’ nghĩa là ‘Đình hồ Tả-Vọng’.⁽³⁾ Lại có thầy phong-thủy đoán là đầu con rùa còn thân nó là gò Ngọc-Sơn. Nay thỉnh thoảng có mấy con rùa lớn hiện hình lên mặt hồ. Sự này chứng thật cho lòng tin tưởng có thần rùa thường ở trong hồ danh thắng...”

(2) Để cho hài cốt gia tiên được chỗ đất tốt, yên ổn thì con cháu phát lên thịnh vượng.

(3) Ở trong tháp trên tường có vẽ hai chữ ‘Vĩnh Bảo’ tức là tên ông quan đứng cho xây cái tháp này. Ông này nguyên cách ba năm nay đã được làm Tri phủ Thường-tín sau thuyền bổ làm Thương-biện phủ Hoài-Đức. Khi phạm việc chính-trị, ông bị cách chức năm 1886 và lại bị giam ở Hà-nội kể đến hàng tháng. Phần trên tòa này có chữ ‘Vọng Đình’ (đình để trông) và một bên ‘Qui-Sơn-tháp’ (lầu hay tháp Núi-Rùa) (Xem tập *Les pagodes de Hanoi* của ông G. Dumoutier trang 23 về dấu đề Hồ Hoàn-Kiểm và đền Ngọc-Sơn). ”

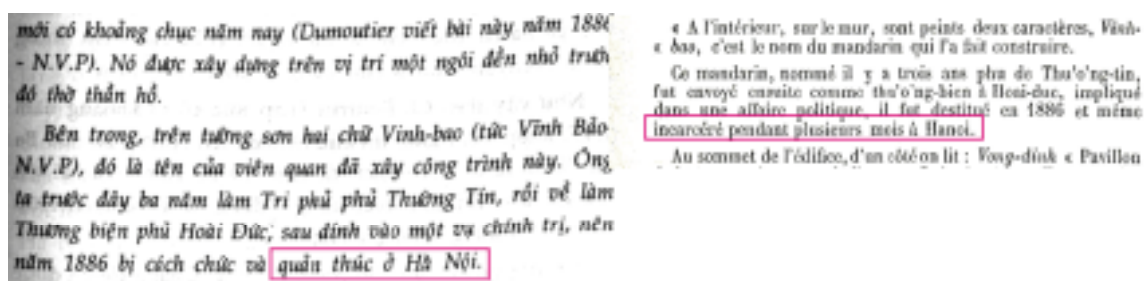
Theo Trần Hàm Tấn, ông Th.K. [Thương Kim] người thành phố **có** [= đã] để giấu hài cốt gia tiên ở đây [= trên Gò Rùa]. Trong bản tiếng Pháp của bài

này, ông Tấn viết rõ hơn “...la famille TH. K. de la ville y *déposa* en cachette les restes de son aïeul...” (gạch dưới của NQM). Ông dùng động từ déposer ở thì passé simple mà thì này “chỉ một việc đã *hoàn thành* trong quá khứ”!

II.1.d. Năm 1959 Doãn Kế Thiện (1891-1965) đưa ra một *tương truyền* khác về Tháp Rùa, theo đó năm **1884** Bá Kim mới xây tháp (tức xây trong thời gian Pháp đã chiếm Hà Nội) “... *Nhưng một việc xảy ra không ngờ: sáng hôm sau y hớn hở cùng người nhà và thợ nề vừa ra tới gò, thì bỗng kêu trời và ngã ra, hai cái quách gỗ đã bị quật lên từ lúc nào, chỉ còn quách không, hai bộ hài cốt đều không thấy đâu nữa. Thì ra đã bị bới lên quăng cả xuống hồ rồi.*” (Dẫn theo Nguyễn Vinh Phúc 2003: 133).

Cũng không lấy làm lạ khi hai tương truyền mâu thuẫn nhau về thông tin quan trọng nhất: hài cốt thân nhân Bá Kim có được táng giấu trên Gò Rùa hay không?

II.1.e. Năm 2003 Nguyễn Vinh Phúc đã mô tả Tháp Rùa và tóm tắt tương truyền của Doãn Kế Thiện trong hai trang 91 và 92 sách *Hồ Hoàn Kiếm và đền Ngọc Sơn* nhưng có lẽ ông cảm thấy chưa đủ dài nên đã dành tiếp cả Chương Ba để nói về Tháp Rùa, từ tr. 129 tới tr. 142 với ba hình chụp: [a] 4,5 tr. (131-136) ghi lại tương truyền theo Doãn Kế Thiện và *Lịch sử Thủ đô Hà Nội* (Trần Huy Liệu chủ biên); [b] 6 tr. (136-141) nghị luận về 2 dị bản trên và [c] cuối cùng hơn 1 trang (141-142) mô tả *tiếp* về tháp. Ông sử dụng chủ yếu những thông tin lấy từ bộ sách hai tập *Le vieux Tonkin, le théâtre, le sport, la vie mondaine de 1884 à 1889* và *de 1890 à 1894*, do Claude Bourrin trích từ những bài báo đương thời. Trên quan điểm thông tin học, *Le vieux Tonkin...* là tài liệu cấp 2, đã bị chủ quan của người tuyển chọn xử lý. Cộng thêm với sự lố mớ về tiếng Pháp, những dòng tiếng Việt nói là “dịch” từ sách trên có giá trị rất hạn chế. Thí dụ:



Nguyễn Vinh Phúc (2003: 137) Viên quan Vinh Bao... năm 1886 bị cách chức và **quản thúc ở Hà Nội**.

Claude Bourrin (1935: 43) Viên quan này... bị cách chức năm 1886 và **còn bị bỏ tù trong nhiều tháng ở Hà Nội**.

Hình 10. So sánh bản dịch của Nguyễn Vinh Phúc (2003) với nguyên bản của Bourrin (1935).

II.2. Góp phần giảm nhẹ áp lực hư cấu

Nguyễn Vinh Phúc đã được hậu duệ của Bá Kim cho xem gia phả, ông đã dành bốn trang 138-141 để nói về vịnh dự này. Nhưng đáng tiếc là (tr. 140) “*cả hai bản gia phả nói trên mà chúng tôi [Nguyễn Vinh Phúc] được xem chỉ ghi tên tuổi chứ không có hành trạng của ông Kim*” (gạch dưới của NQM). Như vậy, muốn giảm nhẹ áp lực hư cấu trong tương truyền này, chúng tôi nghĩ cần tìm thông tin từ các nguồn khác.

Việc tìm chứng cứ của chúng tôi dựa trên cơ sở các dữ kiện lịch sử sau:

2.a. Thành Hà Nội bị thất thủ hai lần, lần thứ nhất ngày 20/11/1873 và lần thứ hai ngày 25/4/1882 (Trần Độ chủ biên 1989: 41-42). Sau lần thứ nhất ít tháng, Pháp trả lại thành cho quan quân nhà Nguyễn nhưng Trú sứ Pháp Kergaradec và một số quân Pháp vẫn đóng ở Tràng Thi; sự hiện diện của họ có ảnh hưởng nhiều đến cuộc sống ở Hà Nội. Chỉ sau lần thứ hai, Pháp dần dần nắm quyền cai trị Hà Nội rồi cả Bắc Kỳ; các quan ta, từ Kinh lược Nguyễn Hữu Độ trở xuống đều chỉ là “[*Bồi thẩm, dự thẩm cũng*] *thằng làm thuê*” (Hoàng Đạo Thúy 2010: 114). Đây là nói nhẹ; trong trường hợp Nguyễn Hữu Độ, đúng là *gia nhân dễ bảo*, xin xem vai trò của viên Kinh lược này trong vụ phá chùa Sùng Khánh và tháp Báo Thiên để lấy đất xây nhà thờ Saint-Joseph (nhà thờ Lớn Hà Nội), 1883-1888, theo yêu cầu của cố đạo Puginier.

2.b. Nhân vật chính liên quan đến Tháp Rùa tên **Nguyễn Hữu Kim**, tên khác là Liên, hiệu Chu Ái, sinh năm 1832, mất năm 1901 (Nguyễn Vinh Phúc 2003: 139). Ông Kim thường được gọi với nhiều tên khác như *Bá Kim, Bá hộ Kim, Thương Kim, Bang Kim, Vĩnh Bảo*... Trong các tài liệu tiếng Pháp hồi đó, chữ Kim nhiều khi được viết thành *Kiem / Kiêm hay Khiem / Khiêm*... Hoàng Đạo Thúy (2010: 286) còn nhớ một tên nữa - *Bang tá Trần Kim* [?]: “*Rẽ ra Hàng Khay, phường Cựu Lâu. Phố này kéo mãi đến chỗ Tràng đúc tiền. Phố này bán khay, tráp và tử khảm xà cừ. Trong phố có nhà Bang tá Trần Kim, làm ăn khá lắm.*”

2.c. Năm xây Tháp Rùa thay đổi tùy theo nguồn tin. Theo Masson (1929: 159), đó là vào khoảng **1875** nhưng theo Dumoutier (1887: 23) thì khoảng **1877**, tức là trong thời gian quan quân ta trên danh nghĩa còn làm chủ Hà Nội. Nhưng Doãn Kế Thiện đưa ra một niên đại muộn hơn, **1884**, tức khi Pháp đang dần dần làm chủ Hà Nội (dẫn theo Nguyễn Vinh Phúc 2003: 133). Xin lưu ý là, cả 3 vị đưa ra 3 niên đại trên đều không tận mắt nhìn thấy việc xây tháp, quý vị chỉ “*nghe nói*”. Nhưng chúng tôi có biết hai người đã từng ở Hà Nội năm 1884, đó là Edward Hocquard và de Montalambert. a) Hocquard đến Hà Nội cuối tháng 2 năm 1884, có chụp cảnh Hồ Gươm khoảng tháng 5 năm đó (Hình 11) và ngày nay chúng ta còn thấy có Tháp Rùa trong ảnh đó, trông tháp *có vẻ mới* (1892: 181). Ở ngoài Bắc việc xây dựng cũng như việc cải táng thường làm vào mùa xuân; năm 1884 (Giáp Thân) đó, mùa xuân coi như bắt đầu từ mùng 1 Tết, tức thứ hai 28 tháng 1 năm 1884 và chấm dứt ngày 29 tháng Ba (thiếu), tức thứ năm 24 tháng 4. Nếu như tháp được xây năm 1884 và nếu như tháp được xây vào mùa xuân (sau hai chữ *nếu!*) thì Hocquard đã chụp được tháp khi vừa hoàn thành. Không rõ giả định này đúng được bao nhiêu phần trăm? b) Để vẽ Bản đồ địa hình thành phố Hà Nội, nhà trắc địa de Montalambert đã đi thực địa trong hơn 2 tháng, từ 25 tháng 6 đến 12 tháng 9 năm 1884; ông đã thấy tháp trên đảo Rùa và ghi tên là Tour de Ba Kim (Tháp Bá Kim). Tổng hợp những thông tin của Hocquard và de Montalambert thấy, vào tháng 5, tháng 6 năm 1884 đã thấy có Tháp Rùa, lúc đó tên tháp mà người Pháp ghi được là tháp Bá Kim. Không rõ dân ta ở quanh hồ có gọi tháp với tên đó hay không. Chúng tôi đoán, tên tháp Bá Kim có thể là tên mà người Pháp gọi ngay sau khi tháp được xây xong. Tháp Rùa là tên dân ta gọi sau này, khi người dân đã có “*lập trường*” đối với Bá Kim. Khi nào thì tháp Bá Kim đổi thành Tháp Rùa? Vào lúc này, chưa có cơ sở để đoán định.



Hình 11.
Ảnh gốc
(chưa photoshop)
do Hocquard chụp
khoảng tháng 5 năm
1884, ký số
FR ANOM27_056F1_
B005 ở Archives
Nationales
[de France] -
Outre-Mer, Aix-en-
Provence.

2.d. Trong *Giai thoại Thăng Long (Chuyện Kể Chợ, chuyện Kinh Kỳ)* do Vũ Ngọc Khánh, Đỗ Thị Hảo đứng tên (1987: 99-101), chúng tôi thấy bài 42- *Phải đòi cho được thầy Cầu*. Giai thoại liên quan đến Bang Kim “có một ngôi nhà to lớn ở phố Hàng Khay bây giờ”. Phải chăng nhân vật trong giai thoại này cũng chính là người được gọi là Vinh-Bao, Ba-ho-Kiem, Bao-Kin..., trong những ấn phẩm cuối thế kỷ 19 của các tác giả người Pháp? Chúng tôi chưa tìm được, trong những sách do người Việt viết hồi đó, những đoạn hay chương liên quan đến ông Vinh Bảo, Bá hộ Kim, Bá Kim...

Chúng tôi cũng không thấy giai thoại này trong 24 trang viết về Tháp Rùa (trong sách *Hồ Hoàn Kiếm và đền Ngọc Sơn*, bản in năm 2003) của Nguyễn Vinh Phúc, người đã tự nhận là “hiếu Hà Nội hơn ai hết” (trả lời phỏng vấn của Thủy Lê trong *Hà Nội 36 góc nhìn*, 2005: 465).

Để khỏi gây nhiễu cho giai thoại này, chúng tôi xin đánh lại nguyên văn như sau:

“[tr. 99] **42 - Phải đòi cho được thầy Cầu**

Chẳng thi, chẳng đỗ, chẳng sao
Anh em không được người nào bỏ nhau
Phải đòi cho được thầy Cầu
Phải đào hết đất nhà giàu đổ đi⁽³⁾

“Mấy câu trên đây đã một thời được truyền đi nhanh chóng khắp ba mươi sáu phố phường Hà Nội, vào một ngày giữa năm 1879.⁽⁴⁾ Câu chuyện như sau:

“Tên Bang Kim có một ngôi nhà to lớn ở phố Hàng Khay bây giờ. Cuối đường Hàng Khay, phía tây, lúc đó là khu vực Trường Thi (nên bây giờ có đường phố Trường Thi). Những kỳ nhà vua tổ chức thi Hương, thi Hội, quanh hồ Hoàn Kiếm náo nhiệt. Sĩ tử khắp nơi đổ về các phố. Đây là dịp cho các bà, các cô mở quán bán hàng: hàng giấy bút, vải vóc, ăn uống, v.v... Cũng là dịp

cho các cô gái ngóng tìm ý trung nhân trong các anh đồ, thầy khóa. Chả thế mà đã có câu ca dao chế diễu:

Ba năm có một khoa thi,
Lộn chồng trả của em đi bán hàng.

“Nhà Bang Kim có mấy cô con gái cũng mở cửa hàng... câu khách. Nhưng trái với những cô hàng giấy bút hiền lành, e lệ, các cô này cậy mình nhà giàu, giá đáng ngàn vàng, nên nhìn các cậu khóa anh đồ các tỉnh về Hà Nội bằng cặp mắt thiếu thiện cảm. Mua hàng trả giá, các cậu đồ này cũng có người thốt ra những giọng nghịch ngợm. Thế là sinh ra cuộc đấu khẩu. Mấy cô con gái Bang Kim lên mặt, thốt ra những lời khinh bỉ, vô lễ.

“Bọn học trò bất bình, quyết không chịu nhục. Họ báo tin cho nhau, rồi một đám đông kéo thẳng vào nhà Bang Kim để chất vấn cho ra lẽ. Bang Kim đang nằm [tr. 100] hút thuốc phiện ở phía trong, chẳng cần biết ất giáp gì, lên giọng quát tháo chửi mắng ất đi, và ra lệnh cho bọn người nhà xô các cậu học sinh ra đường, đóng ập cửa lại. Tức thì hàng ngàn học sinh đã tụ tập gần quanh đó, nhất tề kéo đến, vây kín ngôi nhà. Họ lên tiếng vạch trần thủ đoạn làm giàu bất nhân và tội ác làm tay sai cho Pháp của Bang Kim. Họ phá cổng ghè tường, ném gỗ đá vào nhà túi bụi, nhất quyết vào bắt sống cho được lão chủ.

“Cả nhà Bang Kim hoảng hốt tháo cổng sau trốn tránh và lập tức phi báo với bọn quan trên. Mấy đội lính cả Tây cả ta được phái đến, đánh đập anh em học sinh, cứu Bang Kim đem đi trốn một nơi, và bắt đi một thầy đồ hăng hái nhất. Thầy đồ ấy tên là Trịnh Văn Cầu.

“Cơ sự trở nên gay cấn. Anh em học sinh thấy bọn cầm quyền và lũ thực dân bênh vực cho nhà Bang Kim thì càng thêm tức giận. Hàng ngàn sĩ tử, không ai bảo ai, họ nhất quyết bỏ thi, không chịu vào trường nữa. Họ chia thành hai nhóm đông. Một nhóm cứ vây chặt nhà Bang Kim, hò la phá phách. Một nhóm kéo nhau vào thành nội, đòi bọn quan lại phải thả Trịnh Văn Cầu. Bốn câu ca trên đây là lời truyền tin, là lệnh chung cho anh em để giữ vững mục tiêu đấu tranh của họ. Họ cũng viết những câu ấy lên tường, lên cột, lên vải, chẳng ra ở nhiều phố để nhắc nhở lẫn nhau. Có lẽ đây cũng là lần đầu tiên ở Hà Nội có khẩu hiệu và biểu ngữ đấu tranh. Việc làm của học sinh được công nhận là một nghĩa cử. Dân chúng Hà thành hưởng ứng việc biểu tình, bãi khóa của họ. Người tụ tập quanh Hồ Gươm, Trường Thi mỗi lúc một đông thêm. Sự phản nộ càng tăng, làm cho bọn cầm quyền hoảng sợ.

“Các quan - cả bọn Tây nữa - lo rằng chuyện bé sẽ xé ra to. Chúng tìm cách hòa hoãn để giảm sự bất [tr. 101] bình của quần chúng. Chúng thương lượng mời vị Đốc học ra khuyến khích các anh em học sinh. Và để điều đình, chúng xin giao trả Trịnh Văn Cầu, bắt tên Bang Kim ra xin lỗi các sĩ tử. Anh em xem đó là đã đạt được thắng lợi nên mới chịu giải tán.

“Nhưng từ đó trở đi, nhà cầm quyền không dám cho tổ chức thi Hương ở Hà Nội nữa. Sĩ tử Hà thành muốn thi phải xuống Nam Định mà thi, “Trường Nam thi lẫn với trường Hà” là từ đó! Mà trường thi ở Nam Định lại cũng phải tổ chức rất chặt chẽ. Đến kỳ thi, tàu chiến Pháp kéo vào sông Vị Hoàng, chõ nòng đại bác vào phía trường thi ở sau ga.”

Hoàng Đạo Thúy (2010: 103) cũng có công bố một giai thoại tương tự: *“Khoa năm 1886,⁽⁵⁾ khoảng 5 nghìn sĩ tử đến Hà Nội. Việc ‘Hà thành thất thủ’ như nhát dao mang trong lòng đang rỉ máu. Dù sao, đến Hà Nội, thì cũng đi ‘chơi phố’. Các thầy không còn nhỏ gì nữa, nhưng cái nghề ‘nhất quỷ, nhì ma...’ các thí sinh vẫn cứ bông bột, trong bụng lại có một ‘quan cử tương lai’. Hàng Khay có cô bé bán hàng, khá là ‘chanh chua’. Khi biết rằng đó là con gái Bang Kim, người hay thì thọt nhà Tây, thì học trò cơn giận nổi lên ùng ùng, phá tan cửa hàng, đập vào cả trong nhà.*

Tây biết ngay ý nghĩa của việc này. Sau khoa ấy, trường Hà bị bỏ, chuyển sang ‘Hà Nam hợp thí’. Và rồi mỗi khi thi ở trường Nam - chỗ sau ga Nam Định bây giờ - thì pháo, thuyền [pháo thuyền?] vào sông Vị Hoàng, chỗ nòng súng vào trường thi.”

2.e. Những dòng tóm tắt sau bao gồm những sự thực dựa trên ghi chép của người cùng thời với Bá Kim:

Ông Nguyễn Hữu Kim tức Bá Kim đã từng là:

- Người trung thầu đánh cá ở Hồ Gươm (Bonnal 1925: 192). Có thể trong thời gian trung thầu đánh cá này, xây tháp chằng? (từ? đến?)

- Người có cửa hiệu bán đồ khảm ở phố Thợ Khảm (nay là phố Hàng Khay), vị trí hai nhà của Bá Kim: ngay trên bờ hồ trông sang Sở Cẩm Hàng Trống hiện nay. Hồi đó, nhà dân còn ăn sát ra hồ và nhà ở cũng là cửa hàng luôn. Mặt hàng khảm xà cừ là *top favorite* của tất cả quan, lính và thường dân Pháp tham gia việc xâm chiếm Bắc Kỳ. Có thể nói, khách hàng chủ yếu của cửa hàng Vĩnh Bảo là người Pháp, chủ mới của Hà Nội chằng? (từ? đến?)

- Người tham gia vào việc mai táng Tổng đốc Hoàng Diệu sau khi quan Tổng đốc tuần tiết ngày 25/4/1882 (theo cụ Cử Tốn, nhớ lại vào năm 1945 - 64 năm sau sự kiện - dẫn theo Nguyễn Vinh Phúc 2003: 140-141);

Nhưng theo Bonnal, R. Trú sứ Pháp tại Hà Nội hồi đó thì (tạm dịch): *“Quan Tổng đốc, Huỳnh Diệu, trong cơn thất vọng cực độ đã treo cổ vào một cây gần ngay miếu Minh Công Thần và đã được một trong những **gia nhân** của Ngài mai táng... (1925: 42; gạch dưới của NQM);*

- Tri phủ (?) phủ Thường Tín (khoảng 1883-1884) (Dumoutier 1887: 23);

- Thương biện⁽⁶⁾ phủ Hoài Đức (giữa các năm 1884-1886) (Dumoutier 1887: 23);

- Người có dính vào một “áp phe chính trị” (?) (Dumoutier 1887: 23); (từ? đến?)

- Người bị cách chức [Thương biện phủ Hoài Đức?] năm 1886 (Dumoutier 1887: 23);

- Người bị bỏ tù trong nhiều tháng ở Hà Nội, (Dumoutier 1887: 23); (từ? đến?)

- Người tặng những/hai bảng chỉ đường khảm xà cừ, dựng ở phố Paul Bert ngày 09/7/1887 “để tưởng nhớ cố Tổng trú sứ Paul Bert” (Bonnal, R. 1925: 118; Masson, A. 1929: 172). Thông tin này được xác nhận trong 2 nguồn độc lập nên có tính khả tín cao; Bonnal còn nêu đích danh “Ba-hô-Kiêm, một viên cựu quan

của Hà Nội”. Mặt khác, bằng chỉ đường *khảm xà cừ* thì đúng là sản phẩm “ruột” của cửa hàng Vĩnh Bảo do ông làm chủ.

Không có thông tin về những hoạt động của Bá Kim từ sau năm 1887 cho đến khi ông mất, năm 1901.

Một câu hỏi được đặt ra là: Bá Kim có theo đạo Ki-tô không? Hồi đó những người Việt có quan hệ nhiều hay cộng tác với chính quyền bảo hộ Pháp như ông thường theo đạo để có thế cha cố và dễ bề xin xỏ với người Pháp. Nhiều cửa của Tháp Rùa xây theo kiểu gothic là bằng chứng liên quan đến câu trả lời chăng?

2.f. Những suy đoán/làm bàn bước đầu và chủ quan của chúng tôi

- Đứng trên bờ Hồ Gươm, nhất là ở đoạn đường Lê Thái Tổ, ai cũng nhận thấy một mặt Tháp Rùa có 3 cửa và mặt kề bên chỉ có 2 cửa. Tháp được xây *khác hẳn* tất cả các tháp truyền thống của chúng ta.

Người Việt cũng như người Á Đông bao giờ cũng tôn trọng tính cân đối thể hiện trong xây dựng là hình vuông hoặc hình tròn. Gần ngay Tháp Rùa thấy tháp Hòa Phong hình vuông, đình Trấn Ba hình vuông, Tháp Bút hình vuông... Nhưng *Tháp Rùa hình chữ nhật* (tầng trệt dài 6,28m, rộng 4,54m [Nguyễn Vinh Phúc 2003: 142]) hơn nữa lại xây *chiều dài theo đúng hướng Bắc-Nam*! Những ngôi mộ, cổ hay kim, trong lăng tẩm hay nơi nghĩa trang cũng đều hình chữ nhật. Một vài vị đã nói đến hình chữ nhật của Tháp Rùa nhưng chưa vị nào tìm lý do khiến Bá Kim cho xây tháp hình chữ nhật!

Chúng tôi nghĩ, *tháp xây hình chữ nhật và theo hướng chính Bắc-Nam* khẳng định chủ ý để táng hài cốt của người xây tháp.

- Ông Kim (1832-1901) khoảng 42 tuổi khi Pháp đánh thành Hà Nội lần thứ nhất và khoảng 51 tuổi khi thành bị hạ lần thứ hai. Ông ở phố Hàng Khay, Hà Nội, trong giai đoạn Pháp xâm chiếm và “bình định” Bắc Kỳ. Ông đã chứng kiến và *có thể* còn tham gia, ở bên này hay bên kia, cả hai lần “hạ thành” (ngày 20/11/1873 với Francis Garnier và ngày thứ ba 25/4/1882 với Henri Rivière). Tên ông và một vài hành động của ông được nhiều người Pháp *cùng thời* biết tới và ghi lại. Trong con mắt Trú sứ Bonnal, ông chỉ kém Kinh lược Nguyễn Hữu Độ về “tần số xuất hiện” nhưng hơn hẳn Tri huyện Thọ Xương Hoàng Cao Khải!⁽⁷⁾ Về phía ta, hình như không có văn bản cùng thời nào liên quan đến ông, nhưng trên *bia miệng* thì có một *giai thoại* liên quan đến con gái ông, nhiều *tương truyền* liên quan đến mục đích của việc xây Tháp Rùa *hình chữ nhật*, cửa lai căng... Những thông tin *bia miệng* này được ghi lại và công bố từ những năm 1940 trở đi và ngày càng bất lợi cho ông. Gần đây nhà Hà Nội học Nguyễn Vinh Phúc đã cố tỏ ra khách quan hơn, đi tìm gia phả và dài dòng nói về hậu duệ của ông Bá Kim nhưng qua các gia phả, *không có bằng chứng* mới nào để giảm áp lực của những thông tin và yếu tố hư cấu trong những *tương truyền* đã có. Chỉ vì một nguyên do đơn giản, trong các gia phả mà ông Vinh Phúc được xem “*chỉ ghi tên tuổi chứ không có hành trạng của ông Kim*” (2003: 140). Kể cũng lạ, ông Kim là người khai sáng dòng họ mà con cháu các chi họ đều đồng loạt tâng lờ, không ghi hành trạng của người khai sáng mà chỉ chú ý đến các thế hệ con cháu đương thời. Như thế kể cũng là *bất hiếu*!

- Ông Kim từ người trưng thầu đánh cá ở Hồ Gươm rồi mở cửa hàng bán đồ khảm (chủ yếu cho Tây) sau đó làm “quan tất”, không qua trường ốc và được Pháp cho thăng quan khá nhanh (chỉ 2 năm ở phủ Thường Tín đã lên Thương biện phủ Hoài Đức). Hoàng Đạo Thúy (2010: 114) đã viết về loại quan tất này như sau: “... *các thông ngôn, ký lục, rồi cả các người bồi cũng vào làm quan*”. Chúng tôi nghĩ Huyện Kim hay Thương Kim cùng một loại như *Huyện gà* ở đình Thái Cam, Hà Nội. *Tương truyền*, hồi Pháp hạ thành [không rõ lần nào] có một anh bán gà cho nhà binh Pháp ở gần đình Thái Cam (nay vẫn còn, ở ngã tư Hàng Gà-Hàng Vải; hồi trước thành Hà Nội [nơi quân Pháp đóng] ăn ra đến ngã tư trên) sau được Pháp cho làm Tri huyện [không rõ huyện nào], dân gọi anh ta là [ông] *Huyện gà*!

Bá Kim liên tục tích cực và ngày càng có liên hệ với nhà cầm quyền Pháp, thậm chí còn chủ động tặng hai biển chỉ đường, khảm xà cừ, cho phố Paul Bert mới đặt tên. Việc tặng biển chỉ đường chỉ xảy ra vài tháng sau khi ông “bị bỏ tù trong nhiều tháng ở Hà Nội”. Điều này chứng tỏ Bá Kim đã “hồi phục” nhanh, dù không còn làm quan nhưng vẫn tích cực đóng góp vào việc “xây dựng thành phố mới” theo kiểu Tây.

Ông Kim là một trong ba người Việt được nhiều người Pháp đương thời, từ quan chức như Bonnal, Dumoutier... đến nhà báo như Bourde, Bourrin... nhắc đến với những hành động cụ thể, chủ động có tính thân Pháp, đó là Nguyễn Hữu Độ, Hoàng Cao Khải và Nguyễn Hữu Kim (Bá Kim); hai người đầu dù sao cũng là quan chính ngạch, có qua trường ốc còn Bá Kim là quan tất, loại “Huyện gà”.

Những thông tin trên tuy không xóa được những tương truyền về Tháp Rùa và Bá Kim nhưng ít nhất cũng có thể bổ sung cho những gì hiện biết về hai đối tượng trên.

Chúng tôi vẫn nghĩ, tài liệu lưu trữ trong các văn khố ở ta và Pháp sẽ giúp làm sáng tỏ nhiều điểm còn trống trong hành trạng của một nhân vật đã từ nhà buôn đi tất vào làm quan cấp phủ, đã “lên voi xuống chó”, “tả xung hữu đột”, phức tạp và chưa được ta biết nhiều như Bá Kim trong giai đoạn nhiều nhiều vướng vào cuối thế kỷ 19 ở Bắc Kỳ.

III. Và cả tương truyền về một người Pháp

Ông Nguyễn Vinh Phúc biết nhiều tương truyền, kể cả về người mà ông rất ngưỡng mộ là Gustave Dumoutier và ông đã viết như sau về người Pháp này (2003: 113): “*G. Dumoutier nguyên là một nhà khảo cổ học và Đông phương học, được bổ sang Việt Nam ngay khi thực dân đặt xong ách đô hộ ở Nam Bộ. Năm 1885 ông chuyển ra Hà Nội từng làm phiên dịch tiếng Việt và chữ Hán cho Tổng trú sứ Pháp, rồi tổ chức và làm thanh tra các trường Pháp-Việt ở Bắc Kỳ, được phong Viện sĩ Viện Hàn lâm Pháp*”.

Ông Vinh Phúc không cho biết ông thấy những thông tin tương truyền trên ở đâu và cũng không cho biết năm sinh và năm mất của “đối tượng” nên rất có thể ông Vinh Phúc đã nhầm người.

Chúng tôi sống sau G. É. Dumoutier cả thế kỷ, không được nghe/đọc những *tương truyền* về người Pháp này và hơn nữa, chỉ muốn có *bằng chứng*

về hành trạng của Dumoutier nên nghĩ, dựa vào văn bản do người cùng thời để lại là cách tốt nhất. Cũng may, số tài liệu này không quá ít và quá sơ sài (xin xem *Tài liệu tham khảo*).

Việc đầu tiên là phải *xác định đúng đối tượng* tìm hiểu, đó là Gustave-Émile Dumoutier, sinh ngày 3 tháng 6 năm 1850 ở Courpalay, gần Colommières (Seine-et-Marne) và chết ở Đồ Sơn ngày 02 tháng 8 năm 1904.

Bảng dưới đây giúp hiểu đúng về Dumoutier so với 72 chữ tương truyền của ông Vinh Phúc.

TT	Thông tin tương truyền do ông Vinh Phúc cung cấp	Đánh giá	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Nguyên là một nhà khảo cổ học và Đông phương học.	Sai và đúng một phần	Khi ở Pháp và từ năm 1877, Dumoutier có viết vài bài báo về khảo cổ, ⁽¹⁾ có theo học với quy chế <i>auditeur libre</i> (bằng thính viên) về tiếng Việt và tiếng Trung (Chinois) ở École des Langues Orientales ⁽²⁾
2	Được bổ sang Việt Nam ngay khi thực dân Pháp đặt xong ách đô hộ ở Nam Bộ.	Sai hoàn toàn	Xin xem Cl. Maître (1904: 791). Khi Pháp đánh chiếm Nam Kỳ (1859-1867), Dumoutier mới 9-17 tuổi, còn đang học tiểu học và trung học ở Coulommières (Seine-et-Marne)!
3	Năm <u>1885</u> , ông chuyển ra Hà Nội.	Sai (2 lần)	- Năm 1885, Dumoutier còn đang là <i>auditeur libre</i> ở École des Langues Orientales. - Theo chân Tổng trú sứ P. Bert đến Hà Nội ngày 08/4/ <u>1886</u> , lần đầu tiên đến Đông Dương.
4	Từng làm phiên dịch tiếng Việt và chữ Hán cho Tổng trú sứ Pháp. ⁽³⁾	Đúng và sai	Trên danh nghĩa là thông dịch cho P. Bert về tiếng Việt và tiếng Trung, với danh nghĩa này nên được theo P. Bert ra Bắc Kỳ; thực tế sau 2 tháng ở Hà Nội , ngày 05/6/1886, đã đổi sang làm “ <i>người tổ chức và thanh tra các trường Pháp-Việt</i> ”. Khi P. Bert chết (11/11/1886), Dumoutier không còn “ô dè”, bị đồng nghiệp đổ kỵ; ông phần trí, đau buồn và chết ở Đồ Sơn khi mới 54 tuổi.
5	Tổ chức và làm thanh tra các trường Pháp-Việt ở Bắc Kỳ.	Đúng trên danh nghĩa	Chức này chỉ có danh chứ không có thực, do P. Bert “phong” cho Dumoutier. Sau khi P. Bert chết, Dumoutier cố bám lấy danh nghĩa này cho đến cuối đời nhưng thực tế ông chỉ viết sách báo!
6	Được phong Viện sĩ Viện Hàn Lâm Pháp.	Hoàn toàn sai	Xin xem danh sách 728 vị “bất tử” từ 1634 đến 2014, nếu hiểu Viện Hàn lâm Pháp là <i>Académie française</i> hoặc <i>l'Académie</i> . - Có thể nhà Hà Nội học đã “hiểu” nghĩa của hai chữ <i>officier d'académie</i> (thấy trên bìa sách <i>Les pagodes de Hanoi</i> của Dumoutier, 1887, Hình 7, bên phải) là “Viện sĩ Viện Hàn lâm Pháp”.

(1)	(2)	(3)	(4)
			<i>Officier d'académie</i> là <u>danh hiệu vinh danh</u> người có một hay nhiều bài báo/công trình được một cơ quan văn hóa, giáo dục nào đó thấy có ích (thường về mặt học thuật) với <i>cơ quan mình</i>. Cơ quan lớn nhỏ nào cũng có thể “phong” danh hiệu này. Danh hiệu vinh danh này chỉ tồn tại từ 1808 đến 1955 ở Pháp và chữ <i>académie</i> <i>không viết hoa, không có l’</i>. <u>Đó đúng là trường hợp của G. É. Dumoutier</u> nhưng không rõ cơ quan nào đã tặng ông danh hiệu này. Như vậy, Dumoutier không liên quan gì đến <i>Académie française</i> hay <i>l’Académie</i> (Viện Hàn lâm Pháp)! (“”)

- * Khó có thể nghi ngờ những thông tin trong bài tiểu truyện người vừa mất [nécrologie] này của Cl. Maître, người cùng thời với Dumoutier và cũng sống ở Hà Nội, lúc đó Maître đang làm việc ở Trường Viễn Đông Bác Cổ (EFEO), Hà Nội.
- ** Lúc đó, người Pháp không phân biệt chữ *Nho* của chúng ta với *tiếng Trung* (chinois) của người Trung Quốc. Maître nghi ngờ trình độ hiểu biết tiếng Việt và tiếng Trung của Dumoutier (xem tr. 791, bài đã dẫn). Nhưng cũng phải nói thêm là, sau gần 20 năm ở Hà Nội và làm việc chặt chẽ với hàng chục nhà Nho cổ vấn, trình độ của Dumoutier về hai ngôn ngữ này có thể thay đổi.
- *** Xin xem website của Académie française và Encyclopédie Larousse en ligne. Có lẽ một vài *nhà giáo* ta định ninh trong đầu là, trong tiếng Pháp chỉ có một chữ *académie* và chữ này chỉ có duy nhất một nghĩa nên gặp chữ này ở đâu, viết hoa hay không, có l’ hay không, có chữ nào đi trước hoặc đi theo hay không..., không cần biết và quý vị chuyển dịch ngay là *[Viện sĩ Viện Hàn lâm Pháp]* ! Có lẽ dịch như vậy quý vị cũng được “*thơm lây*” đồng thời cũng cho biết trình độ kiến thức của quý vị cao đến mức nào! Cũng có một việc lùm xùm khác, mấy năm trước về một *nhà giáo* khác, cú ngỡ là được “phong” Viện sĩ Viện Hàn lâm Pháp! Nghe/đọc hai chuyện có thật trên bống chúng ta như trẻ lại, sống lại tuổi học trò, *ngây thơ ngô nghê* đến hết thuốc chữa!

Tóm lại, 72 chữ chuyển tải 6 thông tin thì **3 sai hoàn toàn**, 1 vừa **sai** và vừa **đúng một phần**, 1 vừa **đúng** và vừa **sai**, chỉ 1 **đúng trên danh nghĩa**.

Mặc dù có nhiều dị nghị nhưng Maître cũng coi Dumoutier là “*một học giả cần cù, một công chức mẫn cán và một người chân thật*” (tr. 803).

Năm 2010, ông Nguyễn Vinh Phúc có phê phán ba vị Văn Tân, Trần Huy Liệu và Doãn Kế Thiện về việc dẫn cùng một bài thơ mà mỗi vị nhớ một khác. Ông Vinh Phúc viết: “*Do chép theo trí nhớ một cách đại khái như vậy...*” (2010: 380 [chú thích 65, dòng 2 từ dưới lên]). Nếu ba vị trên dùng chữ *tương truyền* để che chắn thì có thể đã tránh được búa rìu của nhà Hà Nội học. Không muốn lạm dụng chữ *tương truyền* thì nên chịu khó tìm tài liệu cấp 1, tài liệu gốc rồi không giấu dốt, nếu không hiểu thì nhờ thầy đọc giúp, còn phải từ trang đầu đến trang cuối từng tài liệu để tìm ra và hiểu đúng những thông tin liên quan với điều cần tìm, sau đó so sánh với nhiều nguồn khác một cách trung thực, khách quan... Nói đơn giản là tổng hợp và phân tích nhưng, tiếc thay, không phải ai cũng làm được!

N Q M

CHÚ THÍCH

- (1) Chúng tôi chưa có thông tin đáng tin về thời điểm đắp hai chữ *Phúc Lộc* trên cổng ngoài đền nhưng chắc chắn sau ngày chụp hình và in bưu ảnh này, khoảng đầu những năm 1910. Rất khó xác định thời điểm in và phát hành bưu ảnh nên thường coi [không chính xác lắm] nhật ấn của bưu điện trên bưu ảnh là niên đại của bưu ảnh đó. Nếu áp dụng cách đó thì hai chữ *Phúc Lộc*, sớm nhất cũng chỉ được đắp sau tháng 5 năm 1915. (Trao đổi riêng với bà Marie-Hélène Degroise [người chuyên nghiên cứu từ 40 năm nay về bưu ảnh Đông Dương], tháng 6 năm 2014).
- (2) Một đơn vị hành chính trung gian giữa tỉnh và xã ngoại thành.
- (3) Câu này nghe như có hơi hướng của “*Trí phú địa hào, đào tận gốc trốc tận rễ*”.
- (4) “Vào một ngày giữa năm 1879”. Năm 1879, Kỷ Mão, Tự Đức thứ 32, ở Hà Nội có khoa thi Hương, có tới 7 nghìn sĩ tử dự thí. Đây là khoa thi Hương cuối cùng ở Hà Nội. Nhưng *giữa năm* thì không đúng: ngày thi kỳ nhất trường là ngày 1 tháng 10 ta, kỳ nhị trường ngày 11 tháng đó, kỳ tam trường ngày 21 cùng tháng và cuối cùng kỳ tứ trường là ngày 1 tháng 11 ta. Vì vậy thi Hương được gọi là *Thu khoa*, khoa thi vào mùa thu.
- (5) Năm 1886, Bình Tuất, Đồng Khánh thứ 2, Hà Nội đang bị Pháp chiếm đóng, không tổ chức thi Hương.
- (6) *Thương biện*, theo chúng tôi hiểu, vào thời Nguyễn, có vẻ tương đương như “xử lý thường vụ”. Mong vị nào biết rõ hơn, xin chỉ giáo giúp. Chân thành cảm ơn.
- (7) Khoảng năm 1890, sau khi đàn áp đẫm máu cuộc kháng Pháp ở Bãi Sậy, Hoàng Cao Khải cũng leo lên được chức Khâm sai Bắc Kỳ Kinh lược sứ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Đại Việt sử ký toàn thư*, dịch theo bản khắc in năm Chính Hòa thứ 18 (1697), Tập I, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1978.
2. *Hà Nội 36 góc nhìn*, tái bản lần thứ nhất, có bổ sung, Nguyễn Thanh Bình tuyển chọn, Nxb Thanh niên, Hà Nội, 2005.
3. *Lịch sử Việt Nam*, Tập I, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1971.
4. *Lĩnh Nam chích quái Liệt truyện*, bản chép tay A. 33, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hà Nội.
5. *Tuyển tập văn bia Hà Nội*, Quyển II, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1978.
6. *Từ điển tiếng Việt* (Văn Tân [chủ biên]), Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1967.
7. Bonnal, Raymond. *Au Tonkin 1872, 1881-1886 - Notes et Souvenirs*, Éditions de la Revue Indochinoise, Hanoi, 1925.
8. Bourrin, Claude. *Le Vieux Tonkin : le théâtre, le sport, la vie mondaine de 1884 à 1889*, (Vol. I), Saigon, J. Aspar, 1935.
9. Bourrin, Claude. *Le Vieux Tonkin, le théâtre, le sport, la vie mondaine de 1890 à 1894*, (Vol. II), Hanoi, Imprimerie IDEO, 1941.
10. Brébion, Antoine. *Dictionnaire de bio-bibliographie générale, ancienne et moderne de l'Indochine française, publié après la mort de l'auteur par Antoine Cabaton*, Société d'Éditions Géographiques, Maritimes et Coloniales, Paris, 1935, pp.140-142.
11. Cordier, Henri. *Nécrologie - Gustave Émile DUMOUTIER*, 通報 - T'oung Pao - Archives. 1904, Série II, Vol.V, p. 621.
12. Dumoutier, Gustave. *Les Pagodes de Hanoi - Étude d'Archéologie et d'Épigraphie Annamites*, Hanoi, Imprimerie-Typographique F.-H. Schneider, 1887.
13. Doãn Đuan Trình (chủ biên). *Hà Nội, di tích lịch sử, văn hóa và danh thắng*, Trung tâm UNESCO Bảo tồn và Phát triển Văn hóa Dân tộc Việt Nam xuất bản, Hà Nội, 2000.
14. Doãn Kế Thiện. “Điểm Về phố Hàng Ngang”, trong *Hà Nội cũ*, Nxb Đời mới, Hà Nội, 1943.

- Theo bản in lại trong Phụ lục (tr. 225-228) sách Nguyễn Vinh Phúc, *Hồ Hoàn Kiếm và đền Ngọc Sơn*, Nxb Trẻ, TP Hồ Chí Minh, 2003.
15. Hoàng Đạo Thúy. *Hà Nội phố phường xưa*, Nxb Thời đại, Hà Nội, 2010.
 16. Hocquard (Docteur). *Trente mois au Tonkin. Le Tour du Monde - Nouveau journal des voyages*, 1889, Tome LVIII, 2è semestre, p. 101.
 17. Hocquard (Docteur). *Une campagne au Tonkin*, Librairie Hachette et Cie, Paris, 1892.
 18. Maître, Claude. “Nécrologie: Gustave Dumoutier”, *BEFEO*, 1904, t. IV, pp. 790-813.
 19. Masson, André. *Hanoi pendant la période héroïque (1873-1888)*, Librairie Orientaliste Paul Geuthner, Paris, 1929.
 20. Nguyễn Công Hoan. *Nhớ và ghi*, Nxb Tác phẩm mới, Hà Nội, 1978.
 21. Nguyễn Thị Chân Quỳnh. *Khoa cử Việt Nam*, Tập Thượng - Thi Hương, An Tiêm xuất bản, Paris, 2002.
 22. Nguyễn Vinh Phúc. *Hồ Hoàn Kiếm và đền Ngọc Sơn*, Nxb Trẻ, TP Hồ Chí Minh, 2003.
 23. Tô Hoài. *Chuyện cũ Hà Nội*, Nxb Hà Nội, Hà Nội, 1986.
 24. Tô Hoài. *Chuyện cũ Hà Nội*, Nxb Thời đại, Hà Nội, 2010.
 25. Trần Độ (chủ biên). *Văn hóa Việt Nam tổng hợp 1989-1995*, Ban Văn hóa Văn nghệ Trung ương, Hà Nội, 1989.
 26. Trần Hàm Tấn. “L’Ile de Jade 玉山”, tạp chí *Dân Việt Nam - le Peuple Vietnamien*, 1948, No. 2 (Décembre), pp. 43-45.
 27. Tuân Nghi [Trần Nghĩa], Tảo Trang. “Câu đối, hoành phi và đề tự bằng chữ Hán ở đền Ngọc Sơn”, tạp chí *Hán Nôm*, số 1(10), 1991, tr.69-79.
 28. Vũ Ngọc Khánh, Đỗ Thị Hảo (sưu tầm). *Giai thoại Thăng Long (Chuyện Kể Chợ, chuyện Kinh kỳ)*, Nxb Hà Nội, 1987.

TÓM TẮT

Hai chữ “tương truyền” thường được các nhà nghiên cứu văn hóa-lịch sử nước ta sử dụng trong các công trình nghiên cứu của mình. Vậy tương truyền là gì? Và tại sao nó lại được học giới nước nhà ưa dùng đến thế? Bài viết này bàn về quá trình hình thành của một tương truyền, từ nguồn gốc, nội dung cho đến phương thức chuyển tải. Sau đó, tác giả nêu ra nhận xét về những tương truyền liên quan đến Tháp Rùa ở Hồ Gươm, Hà Nội. Từ thực tế này, người viết chủ quan nhận thấy, dưới cái mũ “tương truyền”, các nhà nghiên cứu thường tự do, thoải mái viết theo ý thích và trình độ hiểu biết của mình.

ABSTRACT

LEGEND...

The word “legend” is often used by researchers of Vietnamese culture and history in their research works. So, what is “legend”? and why do academic circles like using such word so much? This article discusses the formation of the legends involving some figures and events in the bibliography, from the content and the origin of them to the ways of transferring them. Then, the author makes a comment on the legends related to Turtle Tower in Hoàn Kiếm Lake, Hanoi. It would seem from this fact, that researchers often interpret historical facts arbitrarily under the cover of “legend”.